

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

QUYỂN 7

Đã nói về phần đối trị chấp tà chánh giải, tiếp theo nói về phần phân biệt tướng trạng phát khởi hướng đến đạo.

Bổn Luận nói: Phân biệt phát khởi hướng đến đạo là nói đạo đã chứng đạt của hết thấy chư Phật, là nghĩa lý tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành đều hướng về nơi ấy. Lược nói về phát tâm có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phát tâm tín thành tựu. Hai là phát tâm giải hạnh. Ba là phát tâm chứng phát. Phát tâm tín thành tựu là dựa vào hạng người như thế nào, tu tập công hạnh như thế nào, đạt được tín thành tựu để có thể tự mình phát tâm? Đó là căn cứ nơi chúng sanh thuộc loại tự bất định, vì có sức mạnh huân tập của thiện căn, tin chắc nghiệp quả báo ứng nên có thể khởi mười thiện, chán ngán nỗi khổ sanh tử mong cầu Bồ-đề Vô thượng, được gặp chư Phật thân cận, thừa sự cúng dường tu hành tín tâm, trải qua một vạn kiếp được thành tựu tín tâm. Chư Phật, Bồ-tát dạy dỗ khiến cho phát tâm, hoặc vì tâm đại bi nên có thể tự mình phát tâm. Hoặc vì chánh pháp sắp đến thời kỳ hoại diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự mình phát tâm. Như vậy, người thành tựu tín tâm thì nhất định phát tâm, đi vào tự chánh định hoàn toàn không lui sụt, gọi là trú vào chánh nhân tương ứng trong dòng dõi Như Lai. Nếu chúng sanh nào thiện căn yếu kém, từ lâu xa đến nay có phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật và cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử hàng trời, người, hoặc khởi lên chủng tử hàng Nhị thừa. Giả sử có người cầu pháp Đại thừa, mà căn thì thuộc loại bất định, hoặc tiến lên hoặc lùi xuống, hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một vạn kiếp, ở trong thời gian đó gặp được duyên cũng có thể phát tâm. Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm, hoặc nhờ vào sự cúng dường chúng Tăng mà phát tâm, hoặc nhờ người hàng Nhị thừa dạy dỗ khiến cho phát tâm, hoặc học theo người khác mà phát tâm. Những hạng phát tâm như vậy

đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu có lẽ lập tức lui sụt rơi vào địa Nhị thừa.

Vả lại, phát tâm tín thành tựu thì phát những tâm như thế nào? Lược nói có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp Chân như. Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện. Ba là tâm đại bi, là mong muốn trừ hết đau khổ cho tất cả chúng sanh.

Hỏi: Trên đây nói về tướng pháp giới chỉ một - thể của Phật không hai, tại sao không chỉ niệm Chân như mà lại theo đuổi học tập thực hành các điều thiện?

Đáp: Ví như thể tánh của ngọc quý Đại Ma-ni là trong suốt mà lại có chất bản của quặng lẫn vào, nếu người tuy nghĩ đến tánh ngọc quý, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì cuối cùng không trong suốt được. Như vậy, pháp Chân như của chúng sanh là thể tánh rỗng lặng thanh tịnh, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm, nếu có người tuy nghĩ đến Chân như mà không dụng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không thanh tịnh được. Vì cấu bản vô lượng vô biên phủ khắp tất cả các pháp, nên tu tập tất cả mọi hạnh thiện để làm đối trị. Nếu có người tu tập thực hành tất cả các pháp thiện, thì tự nhiên trở về thuận theo pháp Chân như.

Lược nói về phương tiện thì có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là phương tiện thực hành căn bản, đó là quán tất cả các pháp tự tánh vô sanh xa rời vọng kiến, không trú vào sanh tử. Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp nghiệp quả không sai sót, khởi lên tâm đại bi tu tập những phước đức, thâm hóa chúng sanh không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không hề an trú.

Hai là phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, đó là hổ thẹn hối hận về sai lầm của mình, có năng lực ngăn lại tất cả các pháp ác không để cho tăng thêm vì thuận theo pháp tánh li các lỗi lầm.

Ba là phương tiện phát khởi thiện căn tăng trưởng. Đó là thường cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán tùy hỷ khuyến thỉnh chư Phật, vì tâm ái kính Tam bảo hết sức thuần hậu, nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể lập chí mong cầu đạo vô thượng. Lại nhờ lực Tam bảo gia hộ, nên có năng lực làm cho nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn không lui sụt, vì tùy thuận pháp tánh xa rời ngu si ám chướng.

Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó gọi là phát nguyện tận cùng thời gian vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến không sót chúng sanh nào, tất cả đều làm cho đạt đến Niết-bàn vô dư, vì tùy thuận

pháp tánh không có gì đoạn tuyệt. Pháp tánh rộng lớn phủ khắp tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia vì hoàn toàn vắng lặng. Bồ-tát phát ra tâm này, thì được thấy một phần Pháp thân, nhờ thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực đó chủ động hiện rõ tám loại lợi ích cho chúng sanh: Tức là từ cung trời Đâu Suất đi xuống, vào thai - ở trong thai - ra đời - xuất gia, Thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là Pháp thân, vì từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi sinh ra đó tương ứng với những nỗi khổ vi tế, cũng không phải là nghiệp ràng buộc, mà là có năng lực tự tại của đại nguyện. Như trong kinh hoặc là nói có người thoái đọa vào đường ác, nhưng không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới học chưa đi vào địa chính thức, lại lười nhác nên làm cho sợ hãi khiến sinh ra dũng mãnh hơn. Đồng thời, Bồ-tát này sau khi vừa mới phát tâm đã rời xa tâm ý khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa. Nếu như nghe trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, chịu khó chịu khổ thực hành khổ hạnh mới đạt được Niết-bàn, mà cũng không hề khiếp nhược, vì tin và biết rõ tất cả các pháp từ xưa đến nay là Niết-bàn tự nhiên.

Phát tâm giải hạnh, nên biết là chuyển thành thù thắng, vì Bồ-tát này từ bắt đầu chánh tin đến nay, ở A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất sắp sửa hết, đối với trong pháp Chân như hiểu sâu và ngay lúc đó tiến lên tu pháp ly tướng, vì biết thể tánh của pháp không có gì tham tiếc, nên tùy thuận tu hành Bồ thí Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh là vô nhiễm và xa rời sai lầm do năm dục, nên tùy thuận tu hành Trì giới Ba-la-mật. Do biết pháp tánh là vô khổ và xa rời sân giận phiền muộn, nên tùy thuận tu hành Nhẫn nhục Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh không có tướng thân tâm và xa rời khinh mạn lười nhác, nên tùy thuận tu hành Tinh tấn Ba-la-mật. Do biết pháp tánh luôn ổn định và thể không hỗn loạn, nên tùy thuận tu hành Thiên định Ba-la-mật. Vì biết pháp tánh là thể sáng tỏ xa rời vô minh, nên tùy thuận tu hành Trí tuệ Ba-la-mật.

Phát tâm chứng, là từ địa tâm tịnh cho đến địa Bồ-tát cuối cùng chứng được cảnh giới nào? Đó gọi là cảnh giới Chân như. Vì dựa vào thức chuyển nên nói là cảnh giới, nhưng chứng ở đây không hề có cảnh giới, chỉ có trí chân như gọi là Pháp thân. Bồ-tát này ở trong khoảnh khắc, có thể đi đến mười phương không sót một thế giới nào, cúng dường chư Phật và thỉnh cầu chư Phật chuyển pháp luân, chỉ vì giảng dạy khuyên bảo làm lợi ích cho chúng sanh không dựa vào văn tự. Hoặc

thị hiện vượt các địa nhanh chóng thành tựu Chánh giác, chỉ vì hạng chúng sanh khiếp nhược. Hoặc nói là Ta ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành tựu Phật đạo, chỉ vì hạng chúng sanh lơ lửng lơ nhác. Có năng lực thị hiện vô số phương tiện không thể nghĩ bàn như vậy, thật ra thì căn cơ chủng tánh của Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm là bình đẳng thì chứng đạt cũng bình đẳng, không có pháp nào vượt lên trên. Vì tất cả Bồ-tát đều trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng tùy theo thế giới chúng sanh không như nhau, tất cả thấy - nghe - căn cơ - ham muốn - tánh chất khác nhau, nên thị hiện công hạnh cũng có những sai biệt.

Vả lại, Bồ-tát này phát tâm có ba loại tướng vi tế của tâm. Thế nào là ba loại?

Một là tâm chân, vì không có phân biệt.

Hai là tâm phương tiện, vì tự nhiên thực hiện khắp nơi làm lợi ích cho chúng sanh.

Ba là tâm thức nghiệp, là khởi lên và diệt rất vi tế.

Lại công đức của Bồ-tát này thành tựu đầy đủ, đối với chỗ tốt cùng của sắc, thì thị hiện thân cao lớn nhất trong tất cả thế gian. Nghĩa là dùng một niệm tương ứng với tuệ thì vô minh lập tức không còn, gọi là Nhất thiết chủng trí, tự nhiên phát sinh nghiệp bất tư nghị, có năng lực hiện rõ khắp mười phương làm lợi ích cho chúng sanh.

Hỏi: Hư không vô biên nên thế giới vô biên, thế giới vô biên nên chúng sanh vô biên, chúng sanh vô biên nên tâm hành sai biệt cũng lại vô biên, cảnh giới như vậy không thể phân biệt giới hạn, khó biết và khó hiểu vô cùng. Nếu đoạn dứt vô minh thì không có tâm tướng, làm sao có thể hiểu rõ gọi là Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Tất cả mọi cảnh giới vốn có từ một tâm xa rời mọi tướng niệm, vì chúng sanh vọng thấy cảnh giới nên tâm có phân biệt giới hạn. Do vọng dấy lên tướng niệm không xứng hợp với pháp tánh, do đó không thể biết rõ được. Chư Phật Như Lai xa rời kiến tướng nhưng không nơi nào không đầy khắp, vì tâm chân thật chính là tánh của các pháp, tự thể soi chiếu lộ rõ tất cả các pháp vọng, có đại trí, dùng vô lượng phương tiện, tùy theo chúng sanh thích ứng được hiểu, đều có thể chỉ ra được tất cả các loại pháp nghĩa, vì vậy được gọi là Nhất thiết chủng trí.

Lại hỏi: Nếu chư Phật có nghiệp tự nhiên, có năng lực hiện rõ ở tất cả mọi nơi làm lợi ích cho chúng sanh, thì tất cả chúng sanh hoặc trông thấy thân đó, hoặc nhìn thấy thần thông biến hóa, hoặc nghe được giáo thuyết của các Ngài tức không có chúng sanh nào không được lợi ích,

tại sao ở thế gian nhiều người không thể nhìn thấy được?

Đáp: Pháp thân của chư Phật bình đẳng khắp tất cả mọi nơi không hề có tác ý, nên nói là tự nhiên, chỉ dựa vào tâm chúng sanh mà hiện bày, tâm chúng sanh thì giống chiếc gương, nếu chiếc gương có bụi bặm thì cảnh sắc hình tượng không hiện rõ. Như vậy, tâm chúng sanh nếu có cấu nhiễm thì Pháp thân không thể hiện bày được.

Luận giải thích: Ở trong văn này có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát. Hai là phần giải thích tách biệt, nói chi tiết. Trong phần thứ hai có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần phân tích ra ba loại phát tâm. Hai là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ba là phần căn cứ vào luận phát sinh luận về hỏi đáp. Đây gọi là ba loại, nội dung nói có thể xem thấy.

Nói về phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát, là vì muốn biểu hiện rõ ngay trong phần phân biệt tướng phát khởi hướng đến đạo. Nghĩa là vô lượng, vô biên chư Phật trong ba đời, đã phát thể nguyện - đã thực hành nhân, đã chứng đạt quả - đã giáo hóa đồ chúng số đó nhiều như biển lớn. Vô lượng vô biên hết thấy các chúng Bồ-tát suốt ba đời, đúng như vậy, như như như vậy, theo vết chân trước, thuận theo cùng chuyển. Như thứ tự đó không vượt ra số lượng, không bỏ qua phần vị là nghĩa hướng về hội nhập. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ giống như hết thấy chư Phật không có quy tắc hướng đến, tất cả Bồ-tát ở trong quy phạm không có hướng đến kia bình đẳng thực hành chân thật. Như Bốn Luận nói: “Tướng phân biệt phát khởi hướng đến đạo là nói đạo đã chứng đạt của hết thấy chư Phật, là nghĩa lý tất cả Bồ-tát phát tâm tu hành hướng về nơi ấy”.

Đã nói về phần nêu tổng quát, giải thích tổng quát, tiếp theo nói về phần giải thích tách biệt, nói chi tiết. Trong phần này có ba phần, như thứ tự đó nên suy nghĩ xem xét để chọn lựa. Ở trong phần thứ nhất phân tích về ba loại phát tâm đã có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phát tâm tín thành tựu. Hai là phát tâm giải hạnh. Ba là phát tâm chứng. Đó là ba loại. Như Bốn Luận nói: “Lược nói phát tâm có ba loại:

1. Phát tâm tín thành tựu.
2. Phát tâm giải hạnh.
3. Phát tâm chứng”.

Căn cứ phần thứ nhất tức có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát. Hai là phần biểu hiện rõ trả lời giải thích nói rộng. Ba là phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Phần thứ nhất và thứ hai có hai loại lặp lại, nên quan sát kỹ.

Ở trong phần thứ nhất phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát có bốn ý. Thế nào là bốn ý? Một là ý giả định, là hỏi về người có khả năng tu tập. Hai là ý về hành tướng, là hỏi về sự tu hành. Ba là ý về tự phân biệt, là hỏi về những thành tựu. Bốn là ý hướng về phía trước, là hỏi về tướng trạng tiến lên được. Như Bốn Luận nói: “Phát tâm tín thành tựu, căn cứ những hạng người nào, tu tập công hạnh như thế nào, đạt được tín thành tựu để có thể tự mình phát tâm?”.

Đã nói về phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát, tiếp theo nói về phần biểu hiện rõ trả lời giải thích, nói rộng. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần tùy câu hỏi lần lượt trả lời giải thích. Hai là phần nêu ra chỗ kém, hiển rõ hơn để sanh kiến giải. Trong phần đầu lại chia làm sáu phần. Thế nào là sáu phần? Một là phần biểu hiện rõ giả định về tu hành. Hai là phần tự nhiên vốn có sự huân tập. Ba là phần biểu hiện công năng tu hành. Bốn là thời lượng của tín thành tựu. Năm là chỉ rõ nhân duyên phát tâm. Sáu là phần biểu hiện rõ về chỗ đạt được lợi ích và địa hơn hẳn.

Nói về phần biểu hiện rõ giả định về tu hành, nghĩa là tuy vô lượng vô biên chúng sanh được giáo hóa, bây giờ trong nơi này lại chọn lấy chúng sanh địa Thập Tín thuộc về tự bất định. Vì sao? Vì muốn khiến giáo hóa ba loại chúng sanh thuộc tự bất định, thành tựu đầy đủ mười loại tín tâm, quyết định an lập địa mới phát tâm trú vào Bồ-tát Thập Trụ, trong địa kim cương bất biến. Như Bốn Luận nói: “Đó là căn cứ chúng sanh thuộc tự bất định”.

Nói về phần tự nhiên vốn có sự huân tập, nghĩa là trong chúng sanh tương tục như vậy, từ vô thủy đời kiếp đến nay, luôn có Phật tìm ẩn trong Bốn giác, luôn huân tập thiện căn của chúng sanh khiến tăng trưởng. Như Bốn Luận nói: “Vì có sức mạnh huân tập thiện căn”.

Nói về phần biểu hiện rõ công năng tu hành, nghĩa là các loại chúng sanh thuộc tự bất định, tin vào nhân nghiệp quả báo hình như có không, thể rỗng lặng, không có, vì đạo lý của nhân duyên hòa hợp, do đó biết sai lầm của mười nghiệp ác, dấy lên ý nghĩ không nên tạo ra, quán xét công đức của mười nghiệp thiện, dấy lên ý nghĩ cần phải thực hiện, chán ngán cảnh giới ràng buộc vướng mắc mong cầu đến cõi giải thoát tự tại, dần dần thoát ra hướng về đạo Bồ-đề. Như Bốn Luận nói: “Tin vào nghiệp quả báo ứng nên có thể dấy khởi mười thiện, chán ngán nỗi khổ sanh tử, mong cầu Bồ-đề Vô thượng, được gặp chư Phật và tự mình được cúng dường tu hành tín tâm”.

Nói về phần thời lượng tín tâm thành tựu, nghĩa là biểu hiện rõ

tín tâm đó thành tựu, thời gian xa gần và tướng trạng khác biệt nhau. Ở trong phần này có mười lăm kinh đề cập nhưng tất cả đều giải thích khác nhau. Thế nào gọi là mười lăm kinh giải thích khác nhau? Đó là:

1. Trong Kinh Nhất Thiết Chư Pháp Nhân Duyên Vô Chủ nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liên thừa với Đức Phật: Thừa Tôn giả! Từ địa phàm phu ràng buộc đi vào tụ bất định, tất cả hành giả phải trải qua bao nhiêu thời gian, thành tựu đầy đủ mười loại tín tâm, dần dần chuyển sang phần vị cao hơn và chắc chắn không thoái lui? Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Này người thiện nam! Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ ghi nhớ điều ấy, Ta sẽ vì ông giải thích nói về phần hạn thời gian để thành tựu được tín tâm. Này người thiện nam! Tất cả hành giả từ địa phàm phu ràng buộc đi vào tụ bất định phải trải qua một vạn ba ngàn kiếp mới xong, thì sẽ thành tựu mười loại tín tâm, quyết định trú vào địa Bồ-tát mới phát tâm”.

2. Trong Kinh Nhiếp Vô Lượng Đại Thừa nói như vậy: “Lại nữa, này Phật tử! Địa tín tạm gọi là Bồ-tát, hạn lượng sáu vạn bốn ngàn kiếp đã đầy đủ, thì sẽ thành tựu mười tâm ái lạc chắc chắn ở địa kim cương”.

3. Trong Kinh Tuệ Minh Đà La Ni nói như sau: “Chúng sanh nơi tụ bất định trải qua hơn tám vạn một ngàn năm mươi kiếp đã hoàn tất, thì thành tựu tín tâm quyết định không thoái lui”.

4. Trong Kinh Pháp Môn Danh Tự nói như vậy: “Lại nữa, hạng phàm phu ở địa tín lạc, trải qua hai vạn sáu ngàn kiếp đã xong, thì tín thành tựu không có thiếu sót”.

5. Trong Kinh Thanh Tịnh Tam muội nói như vậy: “Nếu chúng sanh đi vào nơi khốn khó tu hành tín tâm, chịu đựng trải qua chín vạn kiếp đầy đủ rồi thì tín phẩm được thành tựu”.

6. Trong Kinh Kim Cang Đà La Ni nói như sau: “Tín thành tựu tùy theo thời gian trong bốn vạn tám ngàn sáu mươi kiếp”.

7. Trong Kinh Đại Trí Tuệ Quang Minh nói như vậy: “Lại nữa, này người thiện nam! Nếu chúng sanh nào vì muốn thành tựu công đức thiện cho cha mẹ trời đất, trước mắt trải qua số lượng mười sát na đã xong thì ruộng tín bằng phẳng không có cỏ dại”.

8. Trong Kinh Thật Tướng Bốn Tế Quyết Định Bất Động nói như sau: “Địa tín thành tựu, tín tâm phát khởi trong sát na thứ nhất, mười loại tín tâm đầy đủ viên mãn”.

9. Trong Kinh Văn-thù Sư Lợi Viên mãn Nhân Hải Đại Tổng Trì nói như vậy: “Ba A-tăng-kỳ đại vô lượng kiếp trải qua đã kết thúc, thì địa tín thành lập đầy đủ”.

10. Trong Kinh Thâm Thâm Bồ Đề Nhân Duyên nói như vậy: “Kiến lập địa tín chỉ trong ba vạn kiếp”.

11. Trong Kinh Đại Phương Tiện Trí Thiện Xảo nói như vậy: “Bồ-tát hành tín trong chín ngàn kiếp, quyết định thành tựu tín tâm thanh tịnh suy nghĩ về cõi Cực Lạc”.

12. Trong Kinh Bồ Tát Quang Minh Biến Chiếu nói như vậy: “Bấy giờ, Đại Bồ-tát Kim Cang Tuệ liên bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Địa ban đầu của chúng tử Bồ-đề Vô thượng, trải qua thời gian bao nhiêu thì quyết định thuần thực, để mầm Bồ-đề sinh ra và tăng trưởng? Đức Phật nói: Nếu để thành tựu địa ban đầu của chúng tử, phải trải qua bảy vạn năm ngàn sáu mươi kiếp, thì địa ban đầu của chúng tử được kiến lập đầy đủ”.

13. Trong Kinh Thọ Ký Bình Đẳng nói như vậy: “Tín tâm thành tựu chẳng phải xa - chẳng phải gần - chẳng phải không - chẳng phải có, chẳng phải cao - chẳng phải thấp - chẳng phải đầu - chẳng phải cuối, chẳng phải đi - chẳng phải đến - chẳng phải lớn - chẳng phải nhỏ, chẳng phải ba đời - chẳng phải không ba đời - chẳng phải vị trí - chẳng phải vị địa, chẳng phải thiện- chẳng phải ác - chẳng phải sai - chẳng phải đúng, đạo ngôn ngữ đoạn - xứ tâm hành diệt, vì vậy gọi là tín tâm chân thật”.

14. Trong Kinh Như Lai tạng Bốn Thức nói như vậy: “Thưa Thế Tôn! Vì sao gọi là quảng đại viên mãn công đức phụ mẫu phẩm tín địa? Đức Phật nói: Thập Tín của Thập Tín - Thập Tín của Thập Giải, Thập Tín của Thập Hạnh - Thập Tín của Thập Hương, Thập Tín của Thập Địa - Thập Tín của Phật Địa, cho đến địa chúng tử ác của phàm phu ràng buộc và hết thấy Nhi thừa đều là Thập Tín, vô lượng vô biên tất cả các pháp, không có một pháp nào không phải là Thập Tín, vì nghĩa này nên gọi là địa Quảng đại viên mãn tín”.

15. Trong Kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bồ Nghiệp nói như vậy: “Bồ-tát tín tướng ở trong mười ngàn kiếp thực hành mười pháp thiện, quyết định an lập nơi tín thành tựu”. Đây là mười lăm kinh nói khác nhau. Như vậy, các kinh vì nghĩa nào mà sai biệt như vậy? Đó là vì tâm chúng sanh có vô lượng vô biên nên tất cả đều sai biệt, tùy theo loại tâm của chúng sanh mà nói về hành tướng của tín khác nhau, hãy xem xét suy nghĩ để chọn lựa! Nay trong văn này tạm thời dựa vào Kinh Bốn Nghiệp để giải thích. Như Bốn Luận nói: “Trải qua một vạn kiếp được thành tựu tín tâm”.

Nói về ph ần biểu hiện rõ nhân duyên phát tâm, nghĩa là hành giả

đã thành tựu tín tâm, vì muốn phát khởi trú tâm thứ nhất, nên cần đến năng lực của duyên mà phát khởi. Ở trong văn này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là nhân duyên khuyến thỉnh. Hai là nhân duyên cứu độ. Ba là nhân duyên hộ pháp.

Nói đến nhân duyên khuyến thỉnh, đó gọi là vô lượng vô biên hết thấy chư Phật và chúng Đại Bồ-tát, xuất hiện các loại giáo pháp kinh điển thắng diệu vô cùng, hành giả ở địa tín khuyến thỉnh các Ngài giáo hóa, để vượt qua địa bất định, quyết định an lập trong khu vực bất động. Như Bồn Luận nói: “Chư Phật, Bồ-tát dạy dỗ khiến cho phát tâm”.

Nói đến nhân duyên cứu độ, đó là duyên vào tất cả biển khổ của vô lượng vô biên đủ loại chúng sanh, lấy đó làm nhân phát khởi tâm đại từ bi thanh tịnh rộng lớn và không thoái lui mà vững chắc như kim cang. Như Bồn Luận nói: “Hoặc vì tâm đại bi nên có thể tự mình phát tâm”. Nói đến nhân duyên hộ pháp, đó là lúc giáo pháp của chư Phật sắp hoại diệt thì dùng các loại phương tiện để thích hợp thuận theo mà ứng phó và đảm nhận, bất cứ lúc nào và khắp mọi nơi không tiếc thân mạng, cứu hộ pháp Phật là lực nhân duyên vĩ đại, tự mình có thể phát khởi tâm chí kim cang không lùi bước, thanh tịnh bao la và tồn tại lâu dài mãi mãi về sau. Như Bồn Luận nói: “Hoặc vì chánh pháp sắp đến thời kỳ hoại diệt, vì nhân duyên hộ pháp nên có thể tự mình phát tâm”.

Nói về phần biểu hiện rõ đạt được lợi ích và địa cao hơn, đó gọi là hành giả thành tựu tín được hiểu rõ, tu hành. Có đầy đủ mười tên gọi không có thoái lui. Thế nào là mười tên gọi? Đó là:

1. Gọi là người không có ưu não, vì xa rời tâm sợ hãi trở lại rơi vào địa phàm phu bị phiền não trói buộc.
2. Gọi là người rất giàu sang, vì loại trừ mê loạn của phiền não, cất giữ kết quả của Niết-bàn.
3. Gọi là người có chủng tánh cao đẹp, vì xa rời chủng loại thấp kém của phàm phu, đã đi vào trong chủng tánh cao quý tôn kính của Như Lai.
4. Gọi là người có đầy đủ tay chân, vì cầm bó đuốc Bát nhã đi lại trong nhà pháp giới rộng lớn.
5. Gọi là người làm nước sông lớn, vì không có gì ngăn ngại mà chảy thẳng vào trong đại dương Nhất thiết trí.
6. Gọi là người xây dựng cung điện, vì đã vượt lên trên phạm vi bất định quyết định an trú trong nhà của Như Lai.
7. Gọi là người Phật tử chân thật, vì rời xa thai phàm đã đi vào thai Thánh.

8. Gọi là người có ruộng phước lớn, vì thoát khỏi phiền não chỉ có thanh tịnh.

9. Gọi là người có vô lượng đồ chúng, vì pháp giới chúng sanh đều lấy làm quyến thuộc của mình.

10. Gọi là người không có gì chướng ngại, vì tùy theo tâm mà chuyển hóa. Như Bốn Luận nói: “Như vậy, người thành tựu tín tâm thì nhất định phát tâm, đi vào tụ chánh định hoàn toàn không thoái lui, gọi là trú vào chánh nhân tương ứng trong chủng loại Như Lai”.

Đã nói về phần tùy câu hỏi lần lượt trả lời giải thích, tiếp theo nói về phần nêu ra chỗ kém hiển bày chỗ hơn để phát sanh kiến giải. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần nêu ra kém biểu hiện hình tướng xấu kém. Hai là phần nêu ra hơn biểu hiện hình tướng tốt hơn. Nêu ra kém biểu hiện hình tướng xấu kém, nghĩa là nói hàng phàm phu phiền não sâu dày, thiện căn mỏng yếu, tuy gặp được nhân duyên của Đại thừa, nhưng lại dấy lên chủng tử thiện căn của Tiểu thừa. Như Bốn Luận nói: “Nếu chúng sanh nào thiện căn yếu kém, từ lâu xa đến nay có lắm phiền não sâu dày, tuy được gặp Phật và cũng được cúng dường, nhưng khởi lên chủng tử hàng trời người, hoặc khởi lên chủng tử hàng Nhị thừa”.

Nêu ra hơn biểu hiện hình tướng tốt hơn là nói nếu chúng sanh mong cầu pháp môn vi diệu sâu xa của Đại thừa, cho dù tâm của họ không thể tức liền quyết định được, nhưng gặp nhân duyên thuận thì dường như tiến lên, gặp phải nhân duyên không thuận thì tự nhiên như lùi lại, vì tâm không ổn định. Như Bốn Luận nói: “Giả sử có người cầu pháp Đại thừa, mà căn thì thuộc loại bất định, hoặc tiến lên hoặc lùi xuống”. Nếu như không thể ổn định được, thì làm sao được gọi là người cao quý? Tuy không thể ổn định nhưng vì đã hưởng về với pháp rất cao đẹp. Vả lại, hưởng về dấy lên chủng tử của hàng trời người và Nhị thừa.

Từ đây xuống dưới biểu hiện rõ về thời gian thành tựu tín tâm không hề chắc chắn, như giải thích ý chính của kinh thứ mười bốn trong mười lăm kinh đã nêu. Đó là nếu chúng sanh cúng dường chư Phật, tín tâm thành tựu mà thời gian đó không chắc chắn, hoặc rất lâu xa, hoặc rất gần kề, hoặc ở giữa hạn kỳ xa và gần. Vì sao? Vì tùy theo duyên mà có hay không có phát sanh niềm tin thuần thực. Như Bốn Luận nói: “Hoặc có cúng dường chư Phật, chưa trải qua một nạn kiếp, ở trong thời gian đó gặp được duyên cũng có thể phát tâm”.

Từ đây trở xuống là giải thích theo từng duyên riêng, biểu hiện rõ

về tướng trạng của nhân duyên phát tâm. Ở trong văn này có bốn loại nhân duyên phát tâm. Thế nào là bốn loại?

Một là nhân duyên được gặp Phật, là nhờ thấy được thân tướng trang nghiêm của Như Lai, có thể phát khởi tâm chí rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Đó gọi là thấy sắc tướng của Phật mà phát tâm”.

Hai là nhân duyên cúng dường chúng Tăng, dùng các loại vật cúng dường chúng Tăng và nhờ nhân duyên này có thể phát khởi tâm nguyện rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nhờ vào sự cúng dường chúng Tăng mà phát tâm”.

Ba là nhân duyên hổ thẹn, thấy và nghe người hàng Nhị thừa dạy dỗ giáo pháp sinh ra hổ thẹn cho mình kém cỏi, vì nhân duyên này có thể phát khởi tâm tư rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc nhờ người hàng Nhị thừa dạy dỗ khiến cho phát tâm”.

Bốn là tùy theo các nhân duyên tùy theo tâm người khác và nhờ nhân duyên này có thể phát khởi tâm chí rộng lớn. Như Bốn Luận nói: “Hoặc học theo người khác mà phát tâm”.

Từ đây trở xuống là tạo ra nhân duyên đó, biểu hiện rõ hình tướng mười loại tín tâm thuộc tụ bất định, và tổng kết phần giải thích, quyết nghị về Thập Tín đã nói ở trước. Do nghĩa gì mà mười loại Tín Phẩm lập xứng tên gọi bất định? Điều ấy có nghĩa là nếu gặp được nhân duyên thuận lợi thì tùy theo hướng về đường thiện, nếu gặp phải nhân duyên trái nghịch sẽ thuận theo hướng về đường ác, ví như chiếc lông tùy theo gió thổi chuyển từ Đông qua Tây. Như Bốn Luận nói: “Những hạng phát tâm như vậy đều là bất định, gặp phải nhân duyên xấu có lẽ lập tức thoái lui rơi vào địa Nhị thừa”.

Đã nói về hai loại của tầng thứ nhất. Tiếp theo nói về hai loại của tầng thứ hai. Nói: Vả lại, phát tâm tín thành tựu là phát những tâm như thế nào? Đó chính là phần phát khởi câu hỏi mở để nêu tổng quát, nghĩa là câu hỏi mở ra tổng quát hỏi về những công hạnh. Lược nói có ba loại, tức là nêu tổng quát và trả lời tổng quát như vậy. Thế nào là ba loại? Chính là tổng quát đưa ra và hỏi tổng quát như vậy. Từ đây trở xuống thẳng thắn trình bày về phần biểu hiện rõ giải thích để trả lời nói rộng. Ở trong phần này có ba loại. Thế nào là ba loại? Một là phương tiện chánh trí. Hai là phước đức đầy đủ. Ba là thành tựu an lạc. Ở trong ba phần này, phần một thông cả hai lợi, phần hai chỉ có tự lợi, phần ba chỉ có lợi tha. Vả lại, phần một và hai chỉ riêng biệt tự lợi, phần ba chỉ riêng một lợi tha. Hơn nữa, cả ba phần đều thông với hai lợi, tất cả mỗi phần đều nêu lên và giải thích đầy đủ, nên xem xét suy nghĩ để chọn!

Nói phương tiện chánh trí là trực tâm, là chánh thể trí có tạo phương tiện. Như Bốn Luận nói: “Một là trực tâm, là chánh niệm về pháp Chân như”.

Nói về phần phước đức đầy đủ là thâm tâm, là tất cả công đức có phương tiện an trú. Như Bốn Luận nói: “Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện”.

Nói về thành tựu an lạc là tâm bi, có năng lực để cứu độ vô lượng khổ não của tất cả chúng sanh, khiến được an ổn với niềm vui to lớn. Như Bốn Luận nói: “Ba là tâm đại bi, là mong muốn trừ hết mọi đau khổ cho tất cả chúng sanh”.

Đã nói về hai loại của tầng thứ hai. Tiếp theo nói về phần phát khởi hỏi đáp giải quyết nghi ngờ. Ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Một là phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau. Hai là phần khai thông và giải thích rõ để loại trừ vấn nạn. Nói đến phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau, đó là đưa ra hai vấn trước sau trái ngược nhau, để chất vấn về tướng trạng sai biệt. Sao nói là trái ngược nhau? Đó là trong văn trước có nói như vậy: “Nói về nghĩa giác là tâm thể xa rời tướng niệm, xa rời tướng niệm là đồng với cõi hư không, không nơi nào không đầy khắp, pháp giới cùng một tướng chính là Pháp thân bình đẳng của Như Lai, dựa vào Pháp thân này nên nói là Bốn giác”. Ở trong văn sau có nói như vậy: “Hai là thâm tâm, là thích quy tụ tất cả các hạnh thiện”. Hai vấn trước sau trái ngược nhau như vậy, vì thế phát sinh chất vấn về tướng trạng khác nhau đó, hãy xem xét suy nghĩ để chọn! Như Bốn Luận nói: “Hỏi: Trên đây nói về tướng pháp giới chỉ một - thể của Phật không có hai, tại sao không chỉ là niệm Chân như, mà lại theo đuổi học tập thực hành các điều thiện?”.

Đã nói phần chất vấn về trước sau trái ngược nhau. Tiếp theo nói về phần khai thông và giải thích rõ để loại trừ vấn nạn. Ở đây có bảy phần. Thế nào là bảy phần? Đó là:

1. Phần chính thức trả lời quyết đoán về vấn nạn.
2. Phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích.
3. Phần tu hành phương tiện thiện xảo.
4. Phần biểu hiện rõ công đức phát tâm.
5. Phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác.
6. Phần liên hệ với văn kinh, giải quyết nghi ngờ.
7. Phần tán thán công đức phát tâm.

Ở trong phần một có ba phần. Thế nào là ba phần? Một là phần đưa ra thí dụ khéo léo. Hai là phần hợp lại để nói tương xứng mà an lập.

Ba là phần biểu hiện rõ nói về pháp phát sanh kiến giải.

Ở trong phần thí dụ có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Một là dụ về vật báu. Hai là dụ về tánh thanh tịnh. Ba là dụ về cấu nhiễm. Bốn là dụ cho nhiều người.

Nói về dụ cho vật báu, đó chính là ngọc quý Đại Ma-ni. Ngọc quý như vậy có ở nơi nào? Ngọc quý như vậy có trong đá vàng. Ngọc quý như vậy màu sắc đó như thế nào? Màu sắc rất vàng. Hình tướng của thân đó sẽ như thế nào? Giống như một khối vuông vức, không có dài ngắn. Tướng lớn nhỏ trước kia có số lượng thế nào? Đó là một trượng. Như vậy, ngọc quý trong các loại đá vàng thấy đều đầy đủ, không một loại đá vàng nào không có Ma-ni. Tướng dừng lại và an trú đó thứ tự như thế nào? Đó là thứ nhất ngọc báu. Thứ hai vàng ròng. Thứ ba thể của đá. Ngọc Ma-ni này có mức lượng là một trượng, đó là trong các loại đá vàng hoặc có rất nhỏ, hoặc có rất lớn, tất cả đều sai biệt, há có thể nói là khắp tất cả hay sao? Ngọc Ma-ni này có năng lực thù thắng cho dù mức lượng là một trượng, nhưng khắp nơi trong thân lớn, trong thân nhỏ không sót nơi nào và không có chướng ngại. Cũng có thể nói khắp tất cả mọi nơi, vì trong đá kia có vật báu này. Sắc vàng của đá ấy phải nên quán sát kỹ.

Đây gọi là dụ về vật báu. Như Bốn Luận nói: “Đáp: Ví như thể tánh của ngọc quý Đại Ma-ni”. Nói về dụ cho tánh thanh tịnh, là ngọc quý như vậy thì thể tánh của nó hết sức trong sáng, tách rời mọi bụi bặm vấy bẩn. Đây gọi là dụ về tánh thanh tịnh. Như Bốn Luận nói: “Thể tánh trong suốt”.

Nói về dụ cho cấu nhiễm, là ngọc quý như vậy có thể bị các loại vàng đá làm cho che lấp, không thể hiển bày rõ tướng trạng trong sáng vốn có. Đây gọi là dụ về cấu nhiễm. Như Bốn Luận nói: “Mà lại có chất bẩn của quặng lẫn vào”.

Nói về dụ cho nhiều người, là hạng người hết sức nghèo túng, vô cùng lười nhác, không mong cầu vật báu, và người siêng năng thích tìm kiếm vật báu. Đây gọi là dụ về nhiều người. Như Bốn Luận nói: “Nếu người tuy nghĩ đến tánh ngọc quý, nhưng không dùng các loại phương tiện để mài giũa tinh luyện thì cuối cùng không trong suốt được”.

Đã nói về phần đưa ra thí dụ khéo léo. Tiếp đến nói về phần hợp lại để nêu bày mà an lập tướng xứng. Trong thí dụ về vật báu nói đến ngọc quý Đại Ma-ni, xác đáng là dụ cho pháp nào? Đó là dụ cho Phật tánh của Bốn giác. Vì sao? Vì Phật tánh của Bốn giác ẩn tàng trong thân tướng tục của chúng sanh, tựa như châu ngọc kia.

Nói đến đá vàng là dụ cho pháp nào? Dụ cho tất cả chúng sanh tương tục. Vì sao? Vì Phật tánh ẩn tàng trong thân các chúng sanh tựa như đá kia vậy.

Nói đến sắc vàng của đá là dụ cho pháp nào? Dụ cho nghĩa lý bất biến của Phật tánh ấy. Vì sao? Vì Phật tánh của chân như kiên cố không thay đổi, tựa như vàng ròng.

Nói đến giống như một khối vuông vức không dài ngắn là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp Chân như bình đẳng không tăng giảm. Vì sao? Vì pháp Chân như này chỉ một vị là bình đẳng, không có sai biệt, tựa như khối ngọc kia.

Nói đến một trượng là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp Chân như đầy đủ viên mãn không có thiếu sót. Vì sao? Vì Pháp thân của Chân như đầy đủ vạn đức không có thiếu sót, tựa như một trượng vuông kia. Nói:

Như vậy, ngọc quý trong các loại đá vàng thấy đều đầy đủ, không một loại đá vàng nào mà không có Ma-ni, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tánh chân như đầy khắp trong các loại thân của mọi chúng sanh, không chúng sanh nào mà lại không có tánh Chân như của Bốn giác. Vì sao? Vì tánh Chân như này xa rời sai lầm không hiện bày khắp mọi nơi, tựa như ngọc châu kia.

Nói thứ nhất là ngọc châu, thứ hai là vàng ròng, thứ ba là thể của đá, là dụ cho pháp nào? Dụ cho pháp đều theo thứ tự dần dần hiện rõ. Vì sao? Vì thuận theo trí của Bốn giác lưu chuyển, lúc kiến lập trong đại dương bốn tướng, như thứ tự đó dần dần hiện bày một cách thô, tựa như ba vị trí kia.

Nói ngọc Ma-ni này có năng lực thù thắng cho dù mức lượng là một trượng, nhưng khắp nơi trong thân lớn, trong thân nhỏ không sót nơi nào, là dụ cho pháp nào? Dụ cho Chân như của Bốn giác có nghiệp dụng không thể nghĩ bàn, khắp trong thân lớn nhỏ như loài muỗi, loài rồng không hề chướng ngại. Vì sao? Do pháp Chân như này là tánh bình đẳng, đầy khắp trong phạm - Thánh tựa như ngọc châu kia.

Nói: Ở trong đá kia có vật báu này nên đá có màu sắc vàng rực, là dụ cho pháp nào? Dụ cho mọi chúng sanh đều có Bốn giác và có tướng tâm. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh có tâm giác nên có thức liễu biệt tựa như đá kia.

Đã nói phần dụ cho vật báu hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho tánh tịnh hợp lại nói thuận với nhau. Nói: Ngọc quý như vậy thì thể tánh của nó rất trong sáng, tách rời mọi bụi bặm vấy bẩn, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tánh tịnh của Bốn giác thanh tịnh trong sáng

xa lìa cấu nhiễm.

Đã nói phần dụ cho tánh tịnh hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho cấu nhiễm hợp lại nói thuận với nhau. Nói: Ngọc quý như vậy có thể bị các loại vàng đá làm cho che lấp, không thể hiển bày rõ tướng trạng trong sáng, là dụ cho pháp nào? Dụ cho tự tánh tâm thanh tịnh, bị vô minh làm cho ẩn kín, không thể nào xuất hiện tánh đức vô lậu vốn có.

Đã nói phần dụ cho cấu nhiễm hợp lại nói thuận với nhau. Tiếp đến nói phần dụ cho con người hợp lại nói thuận với nhau. Nói đến hai loại người là dụ cho pháp nào? Dụ cho người rất siêng năng và người rất lười nhác trong việc tìm cầu vật báu của pháp Phật. Như Bốn Luận nói: “Chúng sanh như vậy...”

Đã nói phần hợp lại để nói mà an lập tương xứng. Tiếp theo nói phần biểu hiện rõ nói về pháp phát sanh kiến giải, hành giả nên xem xét suy nghĩ để chọn! Nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích riêng. Như Bốn Luận nói: “Pháp Chân như là thể tánh rỗng lặng trong sáng, nhưng có vô lượng phiền não cấu nhiễm, nếu có người suy nghĩ đến Chân như, không dùng các loại phương tiện để tu tập thì cũng không trong sáng được. Vì cấu bản vô lượng vô biên phủ khắp tất cả các pháp, nên tu tập tất cả mọi hạnh thiện để làm đối trị”.

Đã nói phần chính thức trả lời quyết đoán về vấn nạn. Tiếp đến nói phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích. Nghĩa là nếu chúng sanh đoạn trừ tất cả các điều ác - tu dưỡng tất cả mọi điều thiện, tự nhiên tự tại đạt được Tam muội Chân như soi sáng rõ đêm tối vô minh, không có nghi ngờ sợ hãi. Như Bốn Luận nói: “Nếu có người tu tập thực hành tất cả các pháp thiện, thì tự nhiên trở về thuận theo pháp Chân như”.

Đã nói phần tu tập hạnh thiện đạt được lợi ích. Tiếp đến nói phần tu hành phương tiện thiện xảo. Ở đây vốn có bốn phần. Thế nào là bốn phần? Một là phần căn bản của tất cả mọi sư tu hành. Hai là phần điều phục nghiệp ác khiến không phát sinh. Ba là phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Bốn là phần thệ nguyện bình đẳng không giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Lược nói về phương tiện thì có bốn loại”. Ở trong phần thứ nhất có hai phần nhỏ. Thế nào là hai phần? Một là phần Bát nhã thành tựu về vô trú. Hai là phần đại bi thành tựu về vô trú.

Nói về phần Bát nhã thành tựu vô trú, đó gọi là quán sát tất cả các pháp từ xưa đến nay bất sanh bất diệt, hoàn toàn vắng lặng và không hề có gì, không trú trong sanh tử. Như Bốn Luận nói: “Thế nào là bốn loại? Một là phương tiện thực hành căn bản, đó là quán tất cả các pháp

tự tánh vô sanh xa rời vọng kiến, không trú vào sanh tử”.

Nói về phần đại bi thành tựu vô trú, đó gọi là quán sát tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp, nhân quả không thể rỗng lặng thì nghiệp báo cũng có, duyên với đại dương vô lượng vô biên cảnh giới chúng sanh, làm nơi tiếp nhận thân tóm rớt ráo không trú vào Niết-bàn. Như Bốn Luận nói: “Quán tất cả các pháp do nhân duyên hòa hợp nghiệp quả không sai sót, khởi lên tâm đại bi tu tập mọi phước đức, thân hóa chúng sanh không trú vào Niết-bàn, vì tùy thuận pháp tánh không hề an trú”. Đây chính là nêu ra duyên và kết luận hai loại không trú vào đạo hạnh. Pháp môn tu hành tuy không hề có số lượng, mà không trú vào đạo căn bản nhất đó, vì vậy nói là thực hành phương tiện căn bản.

Đã nói phần căn bản của tất cả mọi sự tu hành. Tiếp đến nói phần chế ngự điều phục nghiệp ác khiến không phát sinh. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên phát khởi hổ thẹn cùng các tâm thanh tịnh, đề phòng tất cả mọi niệm ác dấy lên, dần dần giảm trừ không để cho tăng thêm. Như Bốn Luận nói: “Hai là phương tiện có năng lực làm cho dừng lại, đó là hổ thẹn hối hận về sai lầm của mình, có năng lực ngăn lại tất cả các pháp ác không để cho tăng thêm, vì tùy thuận pháp tánh xa rời các sai lầm”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Đã nói phần chế ngự, điều phục nghiệp ác không phát sinh. Tiếp đến nói phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên cung kính cúng dường tất cả Tam bảo, thường xuyên lễ bái - tán thán - tùy hỷ - khuyến thỉnh chân thành, để cho thiện căn tăng trưởng - nghiệp chướng tiêu trừ, vì chí nguyện cầu đạt vô thượng đại Bồ-đề. Như Bốn Luận nói: “Ba là phương tiện phát khởi tăng thêm thiện căn, đó là thường cúng dường lễ bái Tam bảo, tán thán - tùy hỷ - khuyến thỉnh chư Phật, vì tâm ái kính Tam bảo hết sức thuần hậu, nên niềm tin được tăng thêm, mới có thể lập chí mong cầu đạo vô thượng. Lại nhờ lực Tam bảo gia hộ, nên có năng lực làm làm cho nghiệp chướng tiêu trừ, thiện căn không thoái lui, vì tùy thuận pháp tánh xa rời ngu si ám chướng”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Đã nói phần sinh ra thiện căn làm cho tăng trưởng. Tiếp đến nói phần thệ nguyện bình đẳng không giới hạn. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hành giả nên phát khởi thệ nguyện rộng lớn ở trần số thế giới khắp mười phương, tu tập hành nhân bao la ở trần số thế giới khắp mười phương, thân giữ vô số chúng sanh ở trần số thế

giới khắp mười phương, thành tựu kết quả tròn đầy rộng lớn ở trần số thế giới khắp mười phương, tất cả đều đầy đủ không có thiếu sót. Như Bốn Luận nói: “Bốn là phương tiện đại nguyện bình đẳng, đó gọi là phát nguyện tận cùng thời gian vị lai, hóa độ tất cả chúng sanh khiến cho không có chúng sanh nào bỏ sót, tất cả đều khiến đạt đến Niết-bàn vô dư, vì tùy thuận pháp tánh không có đoạn tuyệt”. Đây chính là tổng kết về duyên ấy.

Từ đây trở xuống là biểu hiện rõ tùy thuận tướng trạng thù thắng. Vì nghĩa gì, trong phần kết của bốn phần đều gọi chung là tùy thuận pháp tánh? Vì muốn biểu hiện rõ pháp tánh như hư không, thể tánh đó rộng lớn tròn đầy không hề có giới hạn, tướng dụng đó vô ngại tự tại không có gì trước sau. Tất cả hành giả tu tập bốn phần kia cũng lại như vậy, lần lượt thuận theo Như Như, vì chủng tử (A-thế-da) đó rộng lớn tròn đầy không có giới hạn. Như Bốn Luận nói: “Pháp tánh rộng lớn phủ khắp tất cả chúng sanh bình đẳng không hai, không phân biệt bên này bên kia vì hoàn toàn vắng lặng”.

Đã nói phần tu hành phương tiện thiện xảo. Tiếp đến nói phần biểu hiện rõ công đức phát tâm. Văn này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ Bồ-tát trú vào mới phát tâm, khởi tâm tùy thuận rộng lớn tròn đầy trong pháp pháp giới, tướng tự quán trí thấy thân pháp tánh, thấy thân pháp tánh nên nguyện lực tự tại. Do nguyện lực nên duyên với vô lượng vô biên pháp giới chúng sanh khởi tâm Đại Bi. Do tâm Đại Bi vô cùng sâu rộng, nên xuất hiện tám loại hóa tướng an lạc, tùy thời gian, tùy nơi chốn, tùy điều kiện thích hợp, tùy cơ duyên tiếp nhận, lần lượt thuận theo Như Như tạo lợi ích an lạc. Như Bốn Luận nói: “Bồ-tát phát ra tâm này thì được thấy một phần Pháp thân. Nhờ thấy được Pháp thân nên thuận theo nguyện lực đó chủ động hiện rõ tám loại lợi ích cho chúng sanh. Đó gọi là từ cung trời Đâu Suất đi xuống, vào thai - ở trong thai - ra đời - xuất gia - thành đạo - chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn”.

Đã nói phần biểu hiện rõ công đức phát tâm. Tiếp đến nói phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác. Ở trong đây có hai phần nhỏ. Thế nào là hai phần? Một là phần chọn lựa khác với địa thượng. Hai là phần chọn lựa khác với phạm phu.

Nói về phần chọn lựa khác với địa thượng, nghĩa là Bồ-tát trú vào phát tâm, chỉ gọi là thân hình huyễn hóa, chứ không được gọi là Bồ-tát Chân như, Pháp thân. Vì sao? Vì Bồ-tát này còn nghiệp từ vô thủy sót lại chưa rời xa, tùy theo nơi thọ sanh cùng với khổ vi tế tương ứng không

lìa. Bồ-tát địa thượng thì khác với phần vị này. Như Bốn Luận nói: “Nhưng Bồ-tát này chưa gọi là Pháp thân, vì từ vô lượng kiếp quá khứ đến nay, nghiệp hữu lậu chưa thể đoạn trừ hoàn toàn, tùy theo nơi đã sinh ra đó tương ứng với những nỗi khổ vi tế”.

Nói về phần chọn lựa khác với phàm phu, đó gọi là Bồ-tát trú vào mới phát tâm, không có tướng trạng trói buộc cùng lúc chuyển đổi ng- hiệp nhân, không có quả báo thọ sanh ràng buộc. Vì sao? Vì phương tiện của đại nguyện chuyển đổi đầy đủ. Như Bốn Luận nói: “Cũng không phải là trói buộc do nghiệp mà là có năng lực tự tại của đại nguyện”.

Đã nói phần chọn lựa trên dưới để biểu hiện sai khác. Tiếp đến nói phần liên hệ với kinh văn giải quyết nghi ngờ. Ở trong phần này có năm loại, mỗi loại đều giới thiệu đến kinh. Thế nào là năm loại? Đó là:

1. Trong Kinh Văn-thù Sư Lợi Hoan Hỷ Đà La Ni nói như vậy: “Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi liền bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Ngài thường ở giữa đại chúng nói lời như sau: Năm mươi chủng tử tâm trang nghiêm nơi biển quả, là căn bản của nhân tu hành, tất cả mọi hành giả phải trải qua đạo này thành tựu Đẳng Chánh Giác. Như vậy, trong năm mươi chủng tử của tâm, bao nhiêu loại là phần thoái lui, bao nhiêu loại là phần ổn định? Chỉ nguyện xin Thế Tôn giải thích cho con được biết! Đức Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng suy nghĩ đến điều ấy, nay Ta sẽ phân biệt giải thích cho ông hiểu. Nay người thiện nam! Mười loại chân địa gọi là Trú địa Kim cang Bát nhã, bốn mươi tâm trước gọi là địa Pha lê châu tùy chuyển hồi hướng, ông nên thuận theo biết như vậy, thuận theo quán như vậy”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hàng Đại sĩ thập địa, đã đến thành chân chứng là địa phận bất thoái. Từ đây trở về trước bốn mươi loại tâm, chưa được chứng trí gọi là địa phận thoái lui.

2. Trong Kinh Bốn giác Đại Bi Tự Nhiên Huân Tập nói như sau: “Lại nữa, này Phật tử! Trước ông đã hỏi tại sao gọi là tướng tiết thối, sự việc này là thù thắng không thể nghĩ bàn trong chỗ không thể nghĩ bàn, hạng phàm phu ngu si và các Bồ-tát mới phát tâm vốn không có năng lực biết được. Bấy giờ, Bồ-tát Đại Minh chí tâm khuyến thỉnh, Phật liền bảo với Đại Minh: Này người thiện nam! Nói về tướng tiết thối, nghĩa là tâm tín - trụ phát tâm - địa tâm tịnh - tâm kim cang, bốn nơi này đều gọi là thoái phân, tất cả phần trung gian kia đều gọi là bất thoái phân. Vì vậy nói là tướng tiết thối”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ đại dương pháp Phật rộng lớn tròn đầy không

có giới hạn.

3. Trong Kinh Đại Chứng Đắc Đà La Ni nói như vậy: “Mười loại an tâm quyết định bất thoái không có lý gì thoái thất”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ hàng Bồ-tát Thập Trụ, phát khởi thiện căn rộng lớn tùy thuận trong tánh pháp giới, quyết định an trú vào địa kim cương.

4. Trong Kinh Ngũ Minh nói như sau: “Mười loại tâm định chẳng thoái lui - chẳng tiến lên, chẳng đến - chẳng đi, chẳng ra - chẳng vào, vạn đức viên mãn không hề thiếu sót, vì vậy nói là tâm trú tự nhiên”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ quả đức trong địa Thập Trụ đã đầy đủ, càng không có gì tiến lên lại không có gì thoái lui, thường trú tự nhiên không thiếu sót điều gì.

5. Trong Kinh Bồ Tát Anh Lạc Đại Bản Nghiệp nói như vậy: “Này các người thiện nam! Nếu một kiếp, hai kiếp cho đến mười kiếp, tu hành Thập Tín được đi vào Thập Trụ, người này vào lúc ấy bắt đầu từ Trụ thứ nhất cho đến trong Trụ thứ sáu, nếu như tu Bát nhã Ba-la-mật thứ sáu thì chánh quán hiện ở trước mắt. Lại được chư Phật - Bồ-tát và hàng thiện tri thức bảo vệ, ra đến Trụ thứ bảy thường trú không thoái lui. Từ bảy Trụ này về trước gọi là phần thoái”. Nay văn kinh này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ sự khuyến khích thúc đẩy hàng chúng sanh kém lười, để làm cho tâm tăng thêm dũng mãnh. Nay trong luận này tạm thời dựa vào kinh Bản nghiệp làm cho thông suốt, nên quán sát kỹ! Như Bản Luận nói: “Trong kinh hoặc nói có người thoái đọa vào đường ác, nhưng không phải là thoái đọa thật sự, chỉ vì hàng Bồ-tát mới học chưa đi vào địa chính thức, lại lười nhác nên khiến sợ hãi sinh ra dũng mãnh hơn”.

Đã nói phần liên hệ với kinh văn giải quyết nghi ngờ. Tiếp đến nói phần tán thán công đức phát tâm. Phần này là trình bày về nghĩa gì? Là muốn biểu hiện rõ khi Bồ-tát phát tâm thì rời xa hai điều sợ hãi, vì tâm đó đã quyết định không biến động. Thế nào gọi là hai loại sợ hãi? Một là sợ hãi sanh xuống địa dưới, sanh vào đạo thấp kém, lấy làm rất sợ hãi. Hai là sợ hãi sanh ở địa trên, vì nghe đến cảnh giới thù thắng thì tâm tư khiếp nhược hết sức sợ hãi. Xa rời hai nỗi sợ hãi này, vì thế nên gọi là công đức phát tâm. Như Bản Luận nói: “Đồng thời, Bồ-tát này sau khi vừa mới phát tâm đã rời xa tâm ý khiếp nhược, hoàn toàn không sợ rơi vào địa Nhị thừa.. nếu như nghe trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, chịu khó chịu khổ thực hành hạnh khổ mới đạt được Niết-bàn, mà cũng không hề khiếp nhược, vì tin và biết rõ tất cả các pháp từ xưa

đến nay là Niết-bàn tự nhiên”. Đây chính là tổng kết lại nhân duyên của hai loại công đức.

Từ phần trên đến đây là nói về phần quyết trạch của phát tâm tín thành tựu. Từ đây trở xuống là các phần nơi các loại, nội dung trong văn rõ nên không cần phải giải thích lại.

